

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 2 – ĐỀ 1

MÔN: TIẾNG ANH 5



BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

A. LISTENING**Listen and decide if each statement is True (T) or False (F).**

1. If you don't get enough rest and relaxation, you may be ill.
2. Lack of sleep may make it difficult for you to concentrate.
3. Teenagers should sleep at least 6 hours every night.
4. If you can't sleep, have some coffee or tea.
5. A hot milky drink may help you relax.

B. VOCABULARY & GRAMMAR**I. Find the word which is pronounced differently in the part underlined.**

1.

- A. books
- B. pencils
- C. rulers
- D. bags

2.

- A. read
- B. teacher
- C. eat
- D. ahead

3.

- A. tenth
- B. math
- C. brother
- D. theater

II. Match.



a. camping



b. climbing



c. castle



d. astronaut



e. headache

III. Choose the correct answer.

1. What are you _____?

- A. draw
- B. drawing
- C. drew

2. Why shouldn't I play with the _____? – Because you may cut yourself.

A. knife

B. wall

C. ball

3. I have to visit the _____ because of my toothache.

A. doctor

B. surgeon

C. dentist

4. She'd like _____ some tea.

A. has

B. having

C. to have

5. What do you _____ of the story? – A very thrilling story, I like it!

A. know

B. understand

C. think

IV. Write the correct form of the verbs in the brackets.

1. You are having a bad toothache. You should (see) _____ the dentist.

2. Don't (climb) _____ the tree!

3. She (watch) _____ a film every weekend.

4. What _____ he (think) _____ of the story?

5. I would like (be) _____ an flight attendance in the future.

V. Read and decide if each statement is True (T) or False (F).

My name is Peter. My hobby is reading. I spend hours reading books. There are always interesting stories to read and things to learn. My dad read to me before going to bed when I was a little boy. The stories were full of witches, fairies, princes, princesses,... and other fascinating characters. I liked to imagine that I was the knight who saved the princess locked in a tower.

I prefer other types of stories now because I'm older. I particularly enjoy reading action and adventure stories. It's fun to believe that I'm the hero who fights against the bad guys! And

I'm also interested in real life stories because they make me think and imagine my reactions to many different situations in life. I think reading is a really interesting and exciting hobby!

1. His mother read fairy stories to him before bedtime.
2. He imagined that he saved a princess from a tower.
3. He prefers action, adventure and real life stories when he grows up.
4. He still likes reading fairy stories.
5. He finds reading interesting and exciting.

VI. Make sentences from the available words.

1. What/ matter/ you

_____?

2. What/ your father/ do/ free time

_____?

3. I'd/ like/ be/ writer/ because/ I want/ write/ stories/ children.

_____.

4. Linda/ can't/ go/ school/ because/ she/ have/ fever.

_____.

-----THE END-----

ĐÁP ÁN

Thực hiện: Ban chuyên môn Loigiaihay.com

A. LISTENING

Listen and decide if each statement is True (T) or False (F).

1. T	2. T	3. F	4. F	5. T
------	------	------	------	------

B. VOCABULARY & GRAMMAR**I. Find the word which is pronounced differently in the part underlined.**

1. A	2. D	3. C
------	------	------

II. Match.

1. d	2. e	3. b	4. c	5. a
------	------	------	------	------

III. Choose the correct answer.

1. B	2. A	3. C	4. C	5. C
------	------	------	------	------

IV. Write the correct form of the verbs in the brackets.

1. see	2. climb	3. watches	4. does - think	5. to be
--------	----------	------------	-----------------	----------

V. Read and decide if each statement is True (T) or False (F).

1. F	2. T	3. T	4. F	5. T
------	------	------	------	------

VI. Make sentences from the available words.

1. What's the matter with you?
2. What does your father do in (his) free time?
3. I'd like to be a writer (in the future) because I want to write stories for children.
4. Linda can't go to school because she's having a fever.

Hoặc: Linda can't go to school because she has a fever.

LỜI GIẢI CHI TIẾT**A. LISTENING**

Listen and decide if each statement is True (T) or False (F).

*(Nghe và xem từng câu sau đúng hay sai.)***Bài nghe:****REST AND RELAXATION**

Rest and relaxation are just as important to our body as exercise and healthy eating. If you don't get enough of them, you can make yourself ill. For example, lack of sleep makes it difficult for you to concentrate. During your teens, you need at least eight hours' sleep a

night. If you stay out late, try to go to bed early the next night. When you are awake, you make many demands on your mind and body. Your body needs a period of rest to repair itself. If you have troubles getting to sleep, try reading a book to calm your mind, or take some exercise and avoid tea, coffee or food before bedtime. A hot milky drink may help you relax.

Tạm dịch:

Nghỉ ngơi và thư giãn cũng quan trọng đối với cơ thể chúng ta như tập thể dục và ăn uống lành mạnh vậy. Nếu bạn không có đủ chúng, bạn có thể khiến cơ thể mình bị bệnh. Ví dụ, thiếu ngủ khiến bạn khó tập trung. Ở tuổi thiếu niên, bạn cần ngủ ít nhất tám tiếng mỗi đêm. Nếu bạn thức khuya, hãy cố gắng đi ngủ sớm vào tối hôm sau. Khi bạn thức, bạn tạo ra nhiều yêu cầu đối với cả tâm trí và cơ thể của bạn. Cơ thể bạn cần một khoảng thời gian nghỉ ngơi để nó tự phục hồi. Nếu bạn khó ngủ, hãy thử đọc một cuốn sách để xoa dịu tâm trí, hoặc tập thể dục và hãy tránh xa khỏi trà, cà phê hay thức ăn trước khi đi ngủ. Một thức uống nóng có sữa cũng có thể giúp bạn thư giãn.

1. If you don't get enough rest and relaxation, you may be ill.

(Nếu bạn không nghỉ ngơi và thư giãn đầy đủ, bạn có thể bị ốm.)

Thông tin: Rest and relaxation are just as important to our body as exercise and healthy eating. If you don't get enough of them, you can make yourself ill. *(Nghỉ ngơi và thư giãn cũng quan trọng đối với cơ thể chúng ta như tập thể dục và ăn uống lành mạnh vậy. Nếu bạn không có đủ chúng, bạn có thể khiến cơ thể mình bị bệnh.)*

=> **T**

2. Lack of sleep may make it difficult for you to concentrate.

(Thiếu ngủ có thể khiến bạn khó tập trung.)

Thông tin: For example, lack of sleep makes it difficult for you to concentrate. *(Ví dụ, thiếu ngủ khiến bạn khó tập trung.)*

=> **T**

3. Teenagers should sleep at least 6 hours every night.

(Thanh thiếu niên nên ngủ ít nhất 6 tiếng mỗi đêm.)

Thông tin: During your teens, you need at least eight hours' sleep a night. *(Ở tuổi thiếu niên, bạn cần ngủ ít nhất tám tiếng mỗi đêm.)*

=> **F**

4. If you can't sleep, have some coffee or tea.

(Nếu bạn không ngủ được, hãy uống một chút cà phê hoặc trà.)

Thông tin: If you have troubles getting to sleep, try reading a book to calm your mind, or take some exercise and avoid tea, coffee or food before bedtime. (Nếu bạn khó ngủ, hãy thử đọc một cuốn sách để xoa dịu tâm trí, hoặc tập thể dục và hãy tránh xa khỏi trà, cà phê hay thức ăn trước khi đi ngủ.)

=> **F**

5. A hot milky drink may help you relax.

(Một ly đồ nóng có chứa sữa có thể giúp bạn thư giãn.)

Thông tin: A hot milky drink may help you relax. (Một thức uống nóng có sữa cũng có thể giúp bạn thư giãn.)

=> **T**

B. VOCABULARY & GRAMMAR

I. Find the word which is pronounced differently in the part underlined.

(Chọn từ có phần gạch chân khác với những từ còn lại.)

1. A

books /bʊks/

pencils /'pen.səlz/

rulers /'ru:ləz/

bags /bægz/

2. D

read /ri:d/

teacher /'ti:tʃə/

eat /i:t/

ahead /ə'hed/

3. C

tenth /tenθ/

math /mæθ/

brother /'brʌðə/

theater /'θi:ə.tə/

II. Match.*(Nói.)*

1. astronaut (n): *phi hành gia*
2. headache (n): *đau đầu*
3. climbing (v): *leo trèo*
4. castle (n): *lâu đài*
5. camping (n): *cắm trại*

III. Choose the correct answer.*(Chọn đáp án đúng.)*

1. B

Cấu trúc câu hỏi ở thì hiện tại tiếp diễn:

Wh + to be + S + V-ing?What are you **drawing**? (*Cậu đang vẽ gì vậy?*)

2. A

knife (n): *con dao*wall (n): *bức tường*ball (n): *quả bóng*Why shouldn't I play with the **knife**? – Because you may cut yourself.*(Tại sao em không nên chơi với con dao? – Vì em có thể bị thương đấy.)*

3. C

doctor (n): *bác sĩ*surgeon (n): *bác sĩ phẫu thuật*dentist (n): *nha sĩ*I have to visit the **dentist** because of my toothache.*(Mình phải đến nha sĩ vì mình bị đau răng.)*

4. C

Cấu trúc với **would like**:**S + would like + to V****Lưu ý: would like = 'd like**She'd like **to have** some tea. (*Cô ấy muốn một chút trà.*)

5. C

Think of something: *nghĩ về cái gì đó*

What do you **think** of the story? – Very thrilling, I like it!

(*Câu nghĩ gì về câu chuyện? – Rất kịch tính, mình thích nó lắm!*)

IV. Write the correct form of the verbs in the brackets.

(*Viết dạng đúng của những động từ trong ngoặc.*)

1.

Câu trúc khuyên ai đó nên làm gì:

S + should + động từ nguyên thể.

You are having a bad toothache. You should **see** the dentist.

(*Cậu đang bị đau răng rất nặng. Cậu nên đến nha sĩ đi thôi.*)

2.

Câu mệnh lệnh, yêu cầu không được làm gì:

Don't + động từ nguyên thể + tân ngữ!

Don't **climb** the tree! (*Đừng có mà trèo cây!*)

3.

- Cấu trúc câu khẳng định ở thì hiện tại đơn:

S + V + tân ngữ.

- Vì chủ ngữ (S) trong câu này (She) là ngôi thứ 3 số ít nên động từ chính trong câu cần phải chia.

- Động từ “watch” có đuôi “ch” nên khi chia cần thêm “es”.

She **watches** a film every weekend.

(*Cô ấy xem một bộ phim vào mỗi cuối tuần.*)

4.

- Cấu trúc câu hỏi với từ để hỏi ở thì hiện tại đơn:

Wh + do/does + S + động từ nguyên thể + tân ngữ?

- Vì chủ ngữ trong câu này (he) là ngôi thứ 3 số ít nên ta dùng trợ động từ “does” để tạo câu hỏi.

- Có trợ động từ nên động từ chính (think) trong câu trở về dạng nguyên thể.

What **does** he **think** of the story?

(*Anh ấy nghĩ gì về câu chuyện?*)

5.

Cấu trúc muốn làm gì với **would like**:

S + would like + to V.

I would like **to be** an flight attendance in the future.

(*Mình muốn trở thành một tiếp viên hàng không trong tương lai.*)

V. Read and decide if each statement is True (T) or False (F).

(*Đọc và xem những một câu sau Đúng hay Sai.*)

My name is Peter. My hobby is reading. I spend hours reading books. There are always interesting stories to read and things to learn. My dad read to me before going to bed when I was a little boy. The stories were full of witches, fairies, princes, princesses,... and other fascinating characters. I liked to imagine that I was the knight who saved the princess locked in a tower.

I prefer other types of stories now because I'm older. I particularly enjoy reading action and adventure stories. It's fun to believe that I'm the hero who fights against the bad guys! And I'm also interested in real life stories because they make me think and imagine my reactions to many different situations in life. I think reading is a really interesting and exciting hobby!

Tạm dịch:

Tên của tôi là Peter. Sở thích của tôi là đọc. Tôi dành hàng giờ để đọc sách. Luôn có những câu chuyện thú vị để đọc và những điều cần học hỏi. Bố tôi đọc cho tôi nghe trước khi đi ngủ khi tôi còn là một cậu bé. Những câu chuyện có những phù thủy, nàng tiên, hoàng tử, công chúa,... và những nhân vật hấp dẫn khác. Tôi thích tưởng tượng mình là một hiệp sĩ, người mà đã cứu công chúa bị nhốt trong tòa tháp.

Bây giờ thì tôi thích những thể loại truyện khác hơn vì tôi đã lớn hơn. Tôi đặc biệt thích đọc truyện hành động và phiêu lưu. Thật thú vị khi nghĩ rằng tôi chính là anh hùng chiến đấu chống lại những kẻ xấu! Và tôi cũng quan tâm đến những câu chuyện đời thực nữa vì chúng khiến tôi phải suy nghĩ và tưởng tượng về những phản ứng của mình trước nhiều tình huống khác nhau trong cuộc sống. Tôi nghĩ rằng đọc sách là một sở thích thực sự thú vị và hấp dẫn!

1. His mother read fairy stories to him before bedtime.

(*Mẹ anh ấy đọc truyện cổ tích cho anh ấy nghe trước khi đi ngủ.*)

Thông tin: My dad read to me before going to bed when I was a little boy. (*Bố tôi đọc cho tôi nghe trước khi đi ngủ khi tôi còn là một cậu bé.*)

=> **F**

2. He imagined that he saved a princess from a tower.

(*Anh ấy tưởng tượng rằng anh ấy đã cứu một công chúa khỏi tòa tháp.*)

Thông tin: I liked to imagine that I was the knight who saved the princess locked in a tower.

(*Tôi thích tưởng tượng mình là một hiệp sĩ, người mà đã cứu công chúa bị nhốt trong tòa tháp.*)

=> **T**

3. He prefers action, adventure and real life stories when he grows up.

(*Anh ấy thích những câu chuyện hành động, phiêu lưu và cuộc sống thực khi lớn lên.*)

Thông tin: I particularly enjoy reading action and adventure stories.... And I'm also interested in real life stories... (*Tôi đặc biệt thích đọc truyện hành động và phiêu lưu. Và tôi cũng quan tâm đến những câu chuyện đời thực nữa...*)

=> **T**

4. He still likes reading fairy stories.

(*Anh ấy vẫn thích đọc những câu chuyện cổ tích.*)

Thông tin: I prefer other types of stories now because I'm older. (*Bây giờ thì tôi thích những thể loại truyện khác (không phải truyện cổ tích) hơn vì tôi đã lớn hơn.*)

=> **F**

5. He finds reading interesting and exciting.

(*Anh ấy thấy việc đọc thú vị và hấp dẫn.*)

Thông tin: I think reading is a really interesting and exciting hobby! (*Tôi nghĩ rằng đọc sách là một sở thích thực sự thú vị và hấp dẫn!*)

=> **T**

VI. Make sentences from the available words.

(*Đặt câu từ những từ cho sẵn.*)

1. What's the matter with you?

(*Có vấn đề gì với cậu vậy?*)

2. What does your father do in (his) free time?

(*Bố cậu làm gì vào thời gian rảnh?*)

3. I'd like to be a writer (in the future) because I want to write stories for children.

(Mình muốn trở thành một tác giả (trong tương lai) bởi vì mình muốn viết những câu chuyện cho trẻ em.)

4. Linda can't go to school because she's having a fever.

(Linda không thể đến trường bởi vì cô ấy đang bị sốt.)

Hoặc: Linda can't go to school because she has a fever.

(Linda không thể đến trường vì cô ấy bị sốt.)